# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1786/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2012*

### QUYẾT ĐỊNH
### Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế; tăng cường hội nhập quốc tế; huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các tỉnh trong vùng và cả nước.

3. Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, phát triển mạnh kinh tế biển và ven biển, tạo chuyển biến căn bản, đột phá về chất lượng tăng trưởng gắn với thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp; từng bước xây dựng Hà Tĩnh trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của đất nước.

4. Phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, duy trì quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt Nam - Lào. Chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và phòng ngừa ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

## II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, phấn đấu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011- 2020 đạt 18,4%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 15,8%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 21,1%/năm. GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 35 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 97,7 triệu đồng vào năm 2020;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đến năm 2020 tỷ trọng nông nghiệp chiếm 13,1%, công nghiệp chiếm 54,7% và dịch vụ chiếm 32,2%;

- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 383 triệu USD và đến năm 2020 đạt khoảng 2.000 triệu USD.

b) Về phát triển xã hội

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức khoảng 1,1 - 1,2%/năm và mức tăng cơ học khoảng 2,5% thời kỳ 2011 - 2020; đến năm 2015 quy mô dân số khoảng 1,39 triệu người và đến năm 2020 khoảng 1,57 - 1,6 triệu người;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 3 - 4%/năm. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50% và đến năm 2020 đạt 70%; bình quân mỗi năm tạo việc làm cho trên 3,2 vạn lượt lao động;

- Đến năm 2015 huy động 80% số trẻ từ 5 tuổi trở xuống đi học mẫu giáo, 100% số trẻ em trong độ tuổi đi học tiểu học và trung học cơ sở, 90% thanh niên trong độ tuổi có trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương, 75% trường mầm non, 100% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020, huy động 100% số trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường; 100% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;

- Phấn đấu đến năm 2015 có 7,4 bác sỹ /10.000 dân; đến năm 2020 đạt 8,5 bác sỹ/10.000 dân và 100% xã, phường có bác sỹ. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở mức dưới 15% năm 2015 và dưới 13% năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2015 nâng độ che phủ rừng đạt 54% và đến năm 2020 đạt 56%. Từng bước cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm nguồn nước hợp vệ sinh cho dân cư trên địa bàn; phấn đấu đến năm 2015 có 100% hộ gia đình đô thị và 95% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch; đến năm 2020 có 100% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch và nhà vệ sinh;

- Đến năm năm 2015, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 100% ở khu vực đô thị và 60% ở khu vực nông thôn; 100% nước thải, chất thải rắn từ các cơ sở y tế và 60% chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý. Phấn đấu đến năm 2020, thu gom và xử lý 100% rác thải công nghiệp, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

1. Về nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu và hiện đại hóa ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Triển khai thực hiện Quy hoạch các vùng sản xuất nông, lâm, thuỷ sản theo hướng sản xuất hàng hóa, kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với phát triển công nghiệp chế biến; khuyến khích, hỗ trợ nông dân đầu tư sản xuất theo mô hình trang trại, tập trung; xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Hệ thống thủy lợi, kho chứa, cảng cá, khu dịch vụ hậu

cần nghề cá, khu tránh trú bão cho tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản; tập trung ruộng đất hình thành các trang trại có quy mô phù hợp gắn với áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và bảo đảm an toàn dịch bệnh; có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

- Tầm nhìn đến năm 2050: Sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, phù hợp với xu hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ và tốc độ đô thị hóa.

2. Về công nghiệp - xây dựng

a) Phát triển sản xuất sắt thép hiện đại và bền vững, phấn đấu đến năm 2020 đạt khoảng 8,5 triệu tấn /năm và đến năm 2030 đạt từ 15 - 20 triệu tấn/năm, đưa Hà Tĩnh trở thành địa phương sản xuất sắt thép lớn của cả nước. Trong đó:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng; các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ khai thác mỏ sắt Thạch Khê, hệ thống cấp nước, cấp điện và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành công nghiệp sản xuất sắt, thép; phấn đấu đến năm 2015 đưa nhà máy thép của Tập đoàn Formosa vào hoạt động;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Khai thác mỏ sắt Thạch Khê và đưa nhà máy thép sử dụng quặng sắt Thạch Khê vào hoạt động; đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm từ thép như thép xây dựng, cấu kiện thép, thùng đựng, container... và các ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp sắt, thép; quản lý và xử lý tốt các vấn đề về môi trường, đồng thời hình thành các cơ sở nghiên cứu phát triển công nghiệp khai thác, chế biến sắt, thép với công nghệ cao;

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục phát triển sản xuất sắt thép là ngành kinh tế quan trọng, có giá trị gia tăng cao; đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm máy móc thiết bị và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như dụng cụ gia đình, ô tô, đóng tàu, container...

b) Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu quy hoạch xây dựng nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Vũng Áng; phát triển công nghiệp phụ trợ chế biến sâu các sản phẩm sau hóa dầu như công nghiệp sản xuất polypropylen, sợi tổng hợp, chất dẻo, phân bón tổng hợp, chất tẩy rửa và các sản phẩm khác.

c) Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành các khu công nghiệp tập trung chuyên sản xuất dệt may tại thị xã Hồng Lĩnh, Gia Lách, Hạ Vàng và đào tạo nguồn nhân lực; sản xuất các loại sợi công nghiệp và sợi kỹ thuật giá trị cao (sợi sinh thái, sợi nano, sợi thông minh) và vải công nghiệp, vải kỹ thuật (vải chịu nhiệt, vải có độ chịu nén cao) cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

d) Phát triển ngành xây dựng trở thành một ngành kinh tế quan trọng, có trình độ, kỹ thuật cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, trong đó:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung khai thác, chế biến nguồn nguyên liệu cung cấp vật liệu xây dựng như cát, đá, gạch, gỗ, các loại cấu kiện xây dựng; hình thành các doanh nghiệp hoạt động xây dựng có năng lực về tài chính, nguồn nhân lực mạnh và trình độ kỹ thuật cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các khu đô thị tập trung và dự án trọng điểm;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Phát triển ngành sản xuất vật liệu với các sản phẩm thân thiện với môi trường như: gạch không nung, cấu kiện thép, kính thủy tinh,… phát triển ngành cơ khí, sản xuất các phụ tùng, thiết bị phục vụ cho các ngành công nghiệp; hình thành thị trường bất động sản, đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị tập trung có quy mô phù hợp;

- Tầm nhìn đến năm 2050: Đẩy mạnh phát triển các khu đô thị mới hiện đại và thị trường bất động sản; phát triển ngành vật liệu xây dựng tiên tiến như thép cấu kiện có độ bền cao, các loại gạch không nung từ nguyên liệu tái chế thân thiện với môi trường, kính thông minh và các sản phẩm vật liệu xây dựng từ polymer và nhựa (bọt polyurethane và ống PVC...);

3. Thương mại và dịch vụ

Phát triển nhanh lĩnh vực thương mại và dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng và hỗ trợ các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đặc biệt là thúc đẩy thương mại với Lào, các tỉnh vùng đông Bắc Thái Lan, Trung Quốc và các nước trong khối ASEAN, trong đó:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông để bảo đảm kết nối giữa các vùng trong Tỉnh, trong đó tập trung đầu tư xây dựng các tuyến giao thông quan trọng và hoàn thành giai đoạn 1 cảng Sơn Dương - Vũng Áng; xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trở thành trung tâm thương mại với Lào và các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; khuyến khích đầu tư vào các cơ sở cung cấp dịch vụ hậu cần và thương mại trên địa bàn Tỉnh;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư hoàn thành các cơ sở hạ tầng chính cảng Sơn Dương - Vũng Áng; hình thành các cơ sở cung cấp dịch vụ thương mại và hậu cần cho ngành nông nghiệp, sắt thép và dệt may.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Phấn đấu trở thành một trong những trung tâm thương mại lớn của khu vực; chiếm thị phần lớn trong thương mại biên giới giữa Việt Nam với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; xây dựng cảng Vũng Áng - Sơn Dương trở thành cảng trung chuyển hàng hóa phát triển thương mại, vận tải và hậu cần, đóng góp phát triển kinh tế của Tỉnh.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Phát triển cả về cơ cấu và quy mô giáo dục, bảo đảm điều kiện thuận lợi để đội ngũ giáo viên dạy tốt, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, bảo đảm học sinh có cơ hội học nghề phù hợp với năng lực và theo nhu cầu xã hội, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương, khu vực và cả nước:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao năng lực, quy mô và chất lượng giáo dục dạy nghề để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động ngày càng tăng của Tỉnh;

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tập trung nâng cao năng lực giáo dục đại học và đào tạo nghề. Phấn đấu đến năm 2020 các chương trình giáo dục và đào tạo nghề đạt chuẩn chất lượng cao của quốc gia;

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển mạng lưới y tế theo hướng xã hội hóa đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản cho khu vực nông thôn; đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, y tế lao động và vệ sinh môi trường, tăng cường quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; duy trì mức giảm sinh, tiếp tục thực hiện các Đề án về nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp y tế cấp xã theo Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế; đầu tư thiết bị và công nghệ phù hợp cho cả 3 tuyến để nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh của nhân dân; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và thu hút cán bộ y tế có trình độ về làm việc tại các cơ sở y tế; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quản lý an toàn thực phẩm toàn diện.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Ưu tiên đầu tư xây dựng mới các cơ sở khám và điều trị bệnh chuyên khoa và chăm sóc y tế cấp 3 toàn diện; hoàn thành xây dựng tiêu chí quốc gia về y tế xã;

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh ở cả tuyến tỉnh, huyện và xã; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước để cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao; tăng cường liên kết, hợp tác với các bệnh viện, viện nghiên cứu của trung ương và quốc tế để ứng dụng, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ y, dược.

c) Văn hóa, thể thao và du lịch

- Tập trung xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở theo hướng kết hợp văn hóa hiện đại gắn với khôi phục và phát triển những nét đặc sắc văn hóa truyền thống; tăng cường cơ sở vật chất hệ thống các thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục, thể thao trên địa bàn;

- Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển mạnh mẽ phong trào thể thao chuyên nghiệp, thể thao quần chúng; chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các vận động viên năng khiếu để phát triển một số môn thể thao thành tích cao, phấn đấu xây dựng Hà Tĩnh thành một trong những trung tâm thể thao lớn khu vực miền Trung;

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng các khu, điểm du lịch và phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn, trung tâm hội nghị chất lượng cao ở các đô thị lớn như: thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị trấn Thiên Cầm, thị trấn Kỳ Anh và Khu kinh tế Vũng Áng; tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các điểm du lịch như: bãi biển Thiên Cầm, hồ Kẻ Gỗ, suối nước nóng Sơn Kim, Khu di tích đền thờ Nguyễn Du, Ngã ba Đồng Lộc, Chùa Hương Tích.

5. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông: Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, bảo đảm tính liên tục, tạo liên kết giữa các địa phương trong Tỉnh với cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Đường bộ: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, thực hiện kế hoạch và lộ trình đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông huyết mạch (Bắc - Nam và Đông - Tây) như: quốc lộ 1A, đường ven biển, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Bắc Nam, quốc lộ 8, quốc lộ 12 và quốc lộ 15A; phát triển hai tuyến hành lang Đông - Tây có tính chiến lược của cả nước, gồm: Vinh - quốc lộ 8A - Viên Chăn và Vũng Áng - quốc lộ 12 - Thà Khẹt;

Chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực của tỉnh theo lộ trình (giai đoạn), theo quy hoạch để đầu tư nâng cấp các tuyến đường thuộc phạm vi tỉnh quản lý, đầu tư đã xuống cấp; phấn đấu đến năm 2020 tất cả các tuyến đường tỉnh đạt được cấp IV, trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp trục dọc gồm các tuyến tỉnh lộ 28, 70, 21, 22; nâng cấp tỉnh lộ 6 và 7 để kết nối vùng ven biển với quốc lộ 1A;

Phấn đấu đến năm 2020, nâng cấp các tuyến đường huyện đạt chuẩn cấp V; đường liên thôn, liên xóm đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A, tối thiểu 80% mặt đường được rải nhựa hoặc bê tông.

- Đường thủy: Xây dựng theo quy hoạch cảng Vũng Áng - Sơn Dương thành một khu cảng tổng hợp có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 300.000DWT, có các cơ sở xử lý container, hàng chuyên dụng phù hợp với nhu cầu của các cụm ngành trong khu kinh tế và hoạt động thương mại với Lào và Đông Bắc Thái Lan; xây

dựng, nâng cấp hoàn thiện cảng Xuân Hải, cảng Cửa Sót, các bến sông phục vụ nhu cầu vận tải đường biển và đường sông;

- Đường sắt: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp theo quy hoạch để xây dựng tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Gia thuộc hệ thống đường sắt xuyên Á, tuyến đường sắt chuyên dụng nối từ Thạch Khê đến cảng Vũng Áng để vận chuyển quặng cho nhà máy luyện thép và tuyến đường sắt đôi cao tốc Bắc Nam đi qua tỉnh Hà Tĩnh.

b) Thủy lợi: Tập trung đầu tư hoàn thành Hệ thống thủy lợi đa mục tiêu Ngàn Trươi - Cẩm Trang, nâng cấp đê La Giang, cống Đò Điệm và hệ thống kênh trục Sông Nghèn; xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ, kiên cố hóa kênh mương nội đồng nhằm bảo đảm tưới chủ động cho trên 85% diện tích đất nông nghiệp vào năm 2020; củng cố hệ thống đê sông, đê biển vững chắc để chống sạt lở ven sông, ven biển.

c) Nguồn và mạng lưới cấp điện: Thực hiện theo Quy hoạch phát triển Điện lực chung của cả nước đối với các nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 1.200MW), Nhiệt điện Vũng Áng 2 (công suất 1.200MW), Nhiệt điện Vũng Áng 3 (công suất 2.400MW) và nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Formosa (công suất 1.500MW);

Cải tạo và phát triển mạng lưới điện nhằm tận dụng năng lực hiện có; xây dựng theo quy hoạch các trạm và đường dây 220kV, 110kV, đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, nhất là vùng mỏ sắt Thạch Khê, Khu kinh tế Vũng Áng và Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

d) Cấp, thoát nước: Tập trung giải quyết vấn đề cấp nước đô thị, nông thôn và sản xuất công nghiệp, dịch vụ: nâng cấp nhà máy nước thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị trấn Kỳ Anh và các nhà máy cấp nước tại các đô thị; xây dựng hệ thống cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng và nhà máy cấp nước cho thị trấn Lộc Hà phù hợp với nguồn lực đầu tư từng giai đoạn;

Đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống thoát nước mưa và nước thải cho các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp. Xây dựng hệ thống đường ống thoát nước riêng cho khu công nghiệp đô thị, khu công nghiệp khác; hệ thống xử lý nước thải tập trung của các thành phố đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

e) Thông tin và truyền thông: Nâng cấp, mở rộng và từng bước hiện đại hóa mạng bưu chính - viễn thông và thông tin truyền thông có dung lượng lớn, tốc độ cao, kết nối các địa phương trong phạm vi cả nước và quốc tế; hiện đại hóa hệ thống phân phối, truyền dẫn công nghệ cao và cáp quang đến huyện, xã. Tăng

cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và giao dịch điện tử; tăng mật độ thuê bao điện thoại, bảo đảm 100% xã có mạng internet với nhiều dịch vụ tiện ích, công nghệ cao.

- Giai đoạn 2011 - 2020: Nâng cấp và mở rộng mạng cáp quang, nhất là tại các khu đô thị, Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế của khẩu quốc tế Cầu Treo, các khu du lịch và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; triển khai xây dựng khu công nghiệp công nghệ thông tin tại thành phố Hà Tĩnh; phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông chất lượng cao và mang tính phổ thông để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc; khuyến khích phát triển các dịch vụ như: dịch vụ công nghệ thông tin, kế toán thuế, quản lý hồ sơ, bảo vệ, quản lý lương,...

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục phát triển mạnh các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin kỹ thuật cao; đẩy mạnh phát triển những trung tâm dịch vụ viễn thông, dịch vụ thuê ngoài quy trình kinh doanh (BPO) trình độ cao và các dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập khu vực và quốc tế.

6. Khoa học và công nghệ

- Phát triển khoa học công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế; ưu tiên công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng vào phục vụ sản xuất và đời sống; tăng cường hợp tác với các cơ quan khoa học trung ương, các tổ chức quốc tế trong việc nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản có giá trị và giá trị gia tăng cao theo tiêu chuẩn quốc tế hướng đến xuất khẩu;

- Từng bước xây dựng một số trung tâm nghiên cứu ứng dụng, xưởng thực nghiệm để sản xuất sản phẩm mới, trung tâm sản xuất giống nông nghiệp và đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học.

7. Bảo vệ môi trường

- Chủ động các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường trong các ngành sản xuất, nhất là tại các cụm ngành trọng điểm; khắc phục tình trạng suy thoái, cải thiện môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học;

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước ngầm, khoáng sản, tài nguyên rừng, biển, đảm bảo phát triển bền vững;

- Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường. Xây dựng các dự án phòng chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng chống thiên tai.

8. Về quốc phòng, an ninh

Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; phát triển kinh tế gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng,

an ninh; tăng cường hợp tác quốc tế trong giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, chính trị, đảm bảo an ninh biên giới; đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giảm thiểu tại nạn giao thông; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để phát triển nhanh, bền vững.

## IV. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phát triển đô thị và nông thôn

a) Phát triển đô thị

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, từng bước hoàn chỉnh hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và kỹ thuật hiện đại, môi trường xanh, sạch, phân bố hợp lý, đảm bảo cho các đô thị phát triển ổn định, cân bằng và bền vững. Trong phát triển hạ tầng đô thị, chú ý đến việc xây dựng nhà cao tầng để tăng hệ số sử dụng đất, giảm mật độ xây dựng;

- Phát triển hệ thống đô thị theo hình thái đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, phân bố dọc theo tuyến quốc lộ 1A, đường ven biển, đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 8A. Phấn đấu đến năm 2020, Tỉnh có 03 đô thị trung tâm, gồm: thành phố Hà Tĩnh đạt đô thị loại II và các đô thị Hồng Lĩnh, Hoành Sơn đạt đô thị loại III; các thị trấn còn lại đạt đô thị loại IV và loại V khi có đủ điều kiện theo quy định; phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%.

b) Phát triển nông thôn

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu số xã đạt tiêu chí nông thôn mới trên 20% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020;

- Thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kết hợp với các chương trình mục tiêu để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, giao thông, viễn thông, cấp nước, trường học, trạm y tế, chợ, thiết chế văn hóa - thông tin, vệ sinh môi trường,...) cho các xã, nhất là các xã thuộc vùng khó khăn;

- Thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp nông thôn công nghệ cao, công nghệ sạch, nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật để phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao đời sống cho người dân vùng nông thôn.

2. Vùng kinh tế, khu kinh tế

a) Vùng biển và ven biển, bao gồm các xã ven biển thuộc các huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh. Ưu tiên phát triển đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản; cây nông sản hàng hóa; các ngành công nghiệp và dịch vụ, nhất là khai thác quặng sắt, sản xuất thép và các sản phẩm từ thép, nhiệt điện, dịch vụ du lịch, dịch vụ hậu cần và vận tải đường biển;

b) Vùng kinh tế trung tâm, bao gồm các địa phương thuộc hành lang quốc lộ 1A từ thị xã Hồng Lĩnh đến thành phố Hà Tĩnh. Ưu tiên phát triển vùng kinh tế đa ngành, để tạo nền tảng cho phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực thương mại, các loại hình dịch vụ giải trí, tài chính - ngân hàng, vận tải, dịch vụ thuê ngoài quy trình kinh doanh (BPO), giáo dục và đào tạo nghề, dịch vụ cơ khí sửa chữa; phát triển công nghiệp dệt và may mặc;

c) Vùng kinh tế miền núi, trung du thuộc địa bàn các huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ và các xã còn lại của các huyện Nghi Xuân, Can Lộc, Thạch Hà, Lộc Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh. Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp, ưu tiên phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế như: Lúa, Bưởi Phúc Trạch, cam bù, cao su, bò, lợn, hươu, trồng rừng nguyên liệu, dược liệu, chế biến gỗ, phát triển thương mại nông thôn, thương mại biên giới gắn với phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo;

d) Khu sản xuất công nghiệp nặng, gồm 2 khu vực tập trung phát triển là: Khu kinh tế Vũng Áng sẽ phát triển thành trung tâm sản xuất, chế biến sắt, thép và các sản phẩm từ thép, trung tâm thương mại và dịch vụ hậu cần gắn với cảng Vũng Áng - Sơn Dương; Khu vực khai thác mỏ sắt Thạch Khê, cung cấp quặng sắt cho nhà máy luyện thép tại Khu kinh tế Vũng Áng;

e) Xây dựng đô thị tạo hành lang chạy dọc quốc lộ 1A từ thành phố Hà Tĩnh đến thị xã Hồng Lĩnh, kết nối với thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An). Trung tâm phát triển là thành phố Hà Tĩnh, với các hoạt động chính là trung tâm giáo dục và đào tạo nghề, trung tâm về các dịch vụ BPO;

g) Xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, các nhà máy chế biến nông lâm sản tạo hành lang chạy dọc quốc lộ 8 từ Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đến cảng Xuân Hải và dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn qua Hà Tĩnh).

## V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

## VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển đến năm 2020 khoảng 539 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011- 2015 khoảng 227 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 312 nghìn tỷ đồng. Tỉnh cần có các giải pháp cụ thể để huy động cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

a) Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế;

b) Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng tinh gọn, minh bạch, công khai; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng sẵn sàng tiếp nhận các nhà đầu tư; hướng các nhà đầu tư triển khai các dự án vào các vùng đã quy hoạch; tích cực quảng bá tạo niềm tin cho các nhà đầu tư để thu hút các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài;

c) Có chính sách huy động nguồn vốn từ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị mới, khu kinh tế, khu công nghiệp;

d) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để thu hút đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh, truyền hình, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường,...

đ) Mở rộng các hình thức đầu tư BT, BOT, BTO, PPP và hình thức đầu tư khác để thu hút vốn cho phát triển kết cấu hạ tầng; thu hút đầu tư nước ngoài, các nguồn vốn đầu tư ODA, FDI để đầu tư phát triển;

e) Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn, củng cố hệ thống quỹ tín dụng nhằm tăng cường năng lực huy động vốn trong và ngoài địa bàn.

2. Cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

a) Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, minh bạch và thông thoáng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kinh tế - xã hội;

b) Nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư và hiệu quả thực hiện các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn ODA, NGO; đồng thời đơn giản hóa các thủ tục hành chính; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư;

c) Tăng cường năng lực, tính chuyên nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ quản lý doanh nghiệp.

3. Phát triển và sử dụng nguồn nhân lực

a) Tăng cường năng lực đào tạo cho trường Đại học Hà Tĩnh, các trường cao đẳng, trung cấp và các sơ sở đào tạo nghề. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, tập trung vào các ngành nghề có nhu cầu lớn như: khai khoáng, luyện cán thép, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, điện, chế biến nông sản, thương mại,…

b) Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong và ngoài doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hình thức liên kết đào tạo để mở

rộng quy mô, hình thức và ngành nghề đào tạo. Chú trọng đào tạo lực lượng công nhân lành nghề và cán bộ quản lý có trình độ cao;

c) Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực đào tạo, phát triển mạnh loại hình trường dân lập, tư thục để thu hút mọi nguồn lực vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực.

4. Bảo vệ môi trường

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết về quản lý chất thải bền vững, quản lý nước, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, phát triển quỹ đất và phân bố dân cư phù hợp giữa khu vực nông thôn và thành thị; phân vùng đất hợp lý cho các hoạt động kinh tế để giảm thiểu tác động của môi trường và phòng tránh thiên tai;

b) Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; nghiên cứu xây dựng quy chế để cộng đồng dân cư tham gia giám sát môi trường đối với các dự án, công trình đầu tư trên địa bàn;

c) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin truyền thông, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường và các tác động của biến đổi khí hậu.

5. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Hình thành và phát triển thị trường công nghệ, thành lập các trung tâm tư vấn, dịch vụ chuyển giao công nghệ để hỗ trợ cho các doanh nghiệp lựa chọn những công nghệ phù hợp với điều kiện của địa phương. Đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản;

b) Đẩy mạnh phát huy sáng kiến, sáng chế cải tiến kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng quy định quyền sở hữu công nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vốn cho nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động; hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để thực hiện tốt việc nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất và đời sống;

c) Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, nhất là đội ngũ chuyên gia giỏi, tiếp tục thực hiện chính sách sử dụng và đãi ngộ nhân tài, tăng cường cơ sở vật chất cho các hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Cải cách hành chính và nâng cao năng lực quản lý nhà nước

a) Tiếp tục thực hiện công cuộc cải cách hành chính một cách toàn diện, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở, đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng;

b) Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nhất là dân chủ ở cơ sở, tạo cơ chế thông thoáng, bình đẳng, công khai trong hoạt động quản lý nhà nước; mở rộng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với các tổ chức và cá nhân.

7. Hợp tác, liên kết phát triển

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, liên kết chặt chẽ với các tỉnh trong vùng Bắc Trung bộ và cả nước về các cụm ngành trọng điểm cũng như khai thác, phát triển cơ sở hạ tầng. Nâng cao hiệu quả hợp tác với các nước trong khu vực, nhất là với Lào, Thái Lan và các nước trong khối ASEAN để phát triển và khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Khu kinh tế Vũng Áng, cảng Vũng Áng - Sơn Dương.

**VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh trên cơ sở nội dung, mục tiêu của Quy hoạch.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên cơ sở các mục tiêu của Quy hoạch, Tỉnh cần xây dựng Chương trình hành động, từng bước thực hiện Quy hoạch;

- Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn;

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

**Điều 2.** Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3**. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

**Điều 4.** Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 6.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Phụ lục**

**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2011 - 2020 TỈNH HÀ TĨNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | TÊN DỰ ÁN |
|---|---|
| **A** | **CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ** |
| 1 | Nâng cấp các quốc lộ 1A; 8A; 8B; 12; 15A (đoạn từ TP Hà Tĩnh đến Phúc Đồng); xây dựng đường cao tốc Bắc Nam (đoạn qua Hà Tĩnh); đường hành lang biên giới |
| 2 | Hệ thống thuỷ lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang |
| 3 | Hoàn thiện Cống Đò Điệm và hệ thống kênh trục sông Nghèn |
| **B** | **CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ** |
| 1 | Dự án đường từ quốc lộ 1A đến mỏ sắt Thạch Khê; đường ven biển từ Nghi Xuân đến Kỳ Anh |
| 2 | Nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ (6, 7, 9, 17, 21, 22, 28, 70); các tuyến đường liên xã và hệ thống giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp các luồng tuyến, các cảng sông do Tỉnh quản lý |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo hệ thống Đê La Giang; xây dựng hồ chứa nước Khe Xai, Khe Giao; cải tạo, nâng cấp các hồ chứa, các tuyến đê sông, đê biển, kè chống sạt lở tại các khu vực xung yếu; cải tạo, nâng cấp hạ tầng nuôi trồng thủy sản |
| 4 | Các dự án ODA: Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh; Phát triển rừng ngập mặn ven biển; Hỗ trợ phát triển nông nghiệp có tưới; Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững; Phục hồi và quản lý rừng phòng hộ; Tiểu hợp phần Nước sạch và vệ sinh môi trường |
| 5 | Các dự án: Trường Đại học Hà Tĩnh; cao đẳng nghề, cao đẳng công nghệ Vũng Áng |
| 6 | Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh; các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; bệnh viện tuyến huyện; xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế xã, phường, thị trấn |
| 7 | Xây dựng hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Khu hợp tác kinh tế biên giới Hà Tĩnh - Bolikhămxay |
| 8 | Các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Khu kinh tế Vũng Áng, Khai thác mỏ sắt Thạch Khê, Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang |

| TT | TÊN DỰ ÁN |
|---|---|
| 9 | Nâng cấp hệ thống cấp, thoát nước đô thị, khu công nghiệp; hệ thống xử lý chất thải công nghiệp và nước sinh hoạt |
| **C** | **CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ** |
| 1 | Dự án sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (cao su, lạc, lúa, gạo, súc sản, thủy hải sản, hươu, dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp) |
| 2 | Các dự án: Xây dựng các tuyến đường sắt: Thạch Khê - Vũng Áng, Vũng Áng - Mụ Giạ; xây dựng Cảng Vũng Áng (các bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8); Nhiệt điện Vũng Áng I; Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương; Khai thác mỏ sắt Thạch Khê và nhà máy sản xuất thép từ quặng sắt Thạch Khê; Nhiệt điện Vũng Áng II; Nhiệt điện Formosa; nhà máy sản xuất gang thép, chế biến Pigmen, sản phẩm sau thép, container TEU, dụng cụ và thiết bị điện, bộ phận thân tàu (block); các dự án cấu kiện xe máy, may mặc, chế biến gỗ, gạch không nung, kính, sản xuất than cốc, vật liệu chịu lửa,... |
| 3 | Trường cao đẳng công nghệ; các cơ sở đào tạo nghề BPO |
| 4 | Bệnh viện Vũng Áng; Bệnh viện chất lượng cao Hồng Lĩnh |
| 5 | Khu công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Hà Tĩnh; mạng cáp quang |
| 6 | Hạ tầng các Khu công nghiệp: Gia Lách; Hạ Vàng; Hà Tân; Đại Kim; Đá Mồng; Hạ tầng các cụm công nghiệp: Hồng Lĩnh, Đức Thọ, Hương Khê, Cẩm Xuyên; hạ tầng các cảng Vũng Áng, Sơn Dương |
| 7 | Các Khu đô thị tại thành phố Hà Tĩnh; thị xã Hồng Lĩnh; thị trấn Kỳ Anh - Vũng Áng; các dự án nhà ở cho công nhân và người lao động tại Khu kinh tế Vũng Áng |
| 8 | Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Vũng Áng, thị trấn Lộc Hà; Nâng cấp hệ thống cấp nước thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị trấn Kỳ Anh |
| 9 | Các khu du lịch: Thiên Cầm, Xuân Thành, Kỳ Ninh; Nước Sốt Sơn Kim; sinh thái Hồ Kẻ Gỗ, Đá Mồng và hệ thống dịch vụ du lịch cao cấp |

***Ghi chú:*** Về vị trí, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng giai đoạn./.

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng